

ỦY BAN DÂN TỘC

**Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016 - 2020
“Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân
tộc ở Việt Nam đến năm 2030”. Mã số CTDT/16-20**

**BÁO CÁO KIẾN NGHỊ
KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VÀ CẤP BÁCH TRONG
CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI CHỖ
KHU VỰC TÂY DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG
Mã số: CTDT. 36.18/16-20**

**Chủ nhiệm đề tài: PGS.TS. Bùi Văn Đạo
Tổ chức chủ trì thực hiện đề tài:
Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam**

HÀ NỘI, 10/2020

ỦY BAN DÂN TỘC

**Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016 - 2020
“Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân
tộc ở Việt Nam đến năm 2030”. Mã số CTDT/16-20**

**BÁO CÁO KIẾN NGHỊ
KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VÀ CẤP BÁCH TRONG
CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI CHỖ
KHU VỰC TÂY DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG
Mã số: CTDT. 36.18/16-20**

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS. Bùi Văn Đạo

PGS. TS. Nguyễn Văn Minh

HÀ NỘI, 10/2020

I. MỘT SỐ KẾT LUẬN

1. Khu vực tây duyên hải miền Trung gồm miền núi phía tây 11 tỉnh/thành phố từ Quảng Bình vào Ninh Thuận, hiện sinh sống 14 dân tộc thiểu số tại chỗ, dân số 739.242 người (2019), là các dân tộc Chứt, Bru - Vân Kiều, Tà - ôi, Cơ - tu, Xơ - đăng, Giẻ - Triêng, Co, Hrê, Ba - na, Cơ-ho, Chơ - ro, Ê - đê, Gia - rai, Ra-glai. Do đặc điểm tự nhiên và hoàn cảnh lịch sử, các dân tộc thiểu số tại chỗ khu vực tây duyên hải miền Trung có chung trình độ phát triển kinh tế - xã hội tự thân, chung vận mệnh lịch sử, là đồng chủ nhân của vùng văn hóa Trường Sơn - Tây Nguyên. Trong hai cuộc kháng chiến, là căn cứ địa cách mạng thủy chung, ngày nay lại chịu tác động nặng nề của thiên tai, cần được đầu tư, phát triển để đền ơn, đáp nghĩa và thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước.

2. Kết quả nghiên cứu thực trạng phát triển kinh tế - xã hội cho thấy, từ sau năm 1975, đặc biệt trong hơn 30 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước đã triển khai nhiều chủ trương, chính sách phát triển cho các dân tộc thiểu số tại chỗ khu vực tây duyên hải miền Trung. Những thành tựu đạt được là to lớn và đáng kể, là bước phát triển vượt bậc hơn tất cả những thời kỳ trước cộng lại, góp phần làm thay đổi diện mạo kinh tế - xã hội, đời sống người dân từng bước ổn định, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, đoàn kết dân tộc được tăng cường và niềm tin của các dân tộc với Đảng, Nhà nước được củng cố. Tuy nhiên, do những đặc thù về điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh lịch sử và trình độ phát triển tự thân, cho đến nay, các dân tộc thiểu số tại chỗ khu vực Tây duyên hải miền Trung vẫn đang trong tình trạng chậm phát triển, đời sống khó khăn, thể hiện qua nhiều chỉ báo trên các lĩnh vực kinh tế, giảm nghèo, phát triển xã hội, đời sống văn hóa, an ninh chính trị, bảo vệ tài nguyên môi trường, chính sách và kết quả thực hiện chính sách. Phần lớn các chỉ số phát triển ở các dân tộc trong khu vực đều thấp hơn so với chỉ số phát triển bình quân tương ứng của 53 dân tộc thiểu số và của 6 vùng kinh tế - xã hội. Các kết quả điều tra, nghiên cứu của đề tài cho thấy bức tranh phát triển trong thực tế thấp kém và sâu sắc hơn so với bức tranh phát triển được phản ánh qua các điều tra thực trạng phát triển kinh tế - xã hội quốc gia.

3. Trên cơ sở kết quả khảo sát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội dưới tác động của đổi mới, của thay đổi nhận thức và của thực hiện chính sách dân tộc, đề tài nhận diện và phân tích 12 vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng các dân tộc thiểu số khu vực tây duyên hải miền Trung hiện nay, bao gồm: 1. Chuyển đổi sinh kế; 2. Quản lý và sử dụng đất rừng, 3. Đói nghèo; 4. Chất lượng nguồn nhân lực; 5. Chất lượng cán bộ và mức độ tham chính của cán bộ dân tộc thiểu số tại chỗ, 6. Tác động của thủy điện đến đời sống các cộng đồng dân tộc thiểu số tái định cư; 7. Biên giới chậm phát triển; 8. Xác định thành phần một số nhóm dân tộc; 9. Mai một, mất mát văn hóa truyền thống và xây dựng đời sống văn hóa mới; 10. Suy giảm môi trường tộc người, 11. Tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai và 12. Bất cập của chính sách. Trong 12 vấn đề

trên, được coi là vấn đề cơ bản gồm 4 vấn đề: 1. Đói nghèo; 2. Chất lượng nguồn nhân lực; 3. Suy giảm môi trường tộc người; 4. Biến đổi khí hậu và tác động của thiên tai. 8 vấn đề còn lại được coi là vấn đề cấp bách gồm: 1. Chuyển đổi sinh kế; 2. Quản lý, sử dụng đất rừng; 3. Tác động của thủy điện đến đời sống của các cộng đồng tái định cư; 4. Chất lượng cán bộ và mức độ tham chính của cán bộ dân tộc thiểu số, 5. Biên giới chậm phát triển, 6. Xác định thành phần dân tộc; 7. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống và xây dựng thiết chế văn hóa mới, 8. Bất cập của chính sách.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2030

1. Một số quan điểm cho đề xuất kiến nghị, giải pháp

Thứ nhất, thực hiện tốt chính sách dân tộc và chính sách đền ơn đáp nghĩa với vùng căn cứ cách mạng, bảo đảm đoàn kết, bình đẳng và tương trợ dân tộc.

Thứ hai, giải quyết các vấn đề cơ bản, cấp bách bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, thống nhất, cùng chiều, hỗ trợ nhau và cùng hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Thứ ba, căn cứ vào pháp luật hiện hành của Nhà nước nhưng cần xem xét, tôn trọng những đặc thù lịch sử, văn hóa của các dân tộc thiểu số tại chỗ.

Thứ tư, giải quyết các vấn đề cơ bản, cấp bách ở các dân tộc thiểu số tại chỗ gắn với phát triển bền vững vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Thứ năm, giải quyết các vấn đề cơ bản và cấp bách ở các dân tộc thiểu số tại chỗ trên cơ sở bảo đảm an ninh lương thực.

Thứ sáu, tôn trọng và phát huy hiệu quả vai trò chủ thể phát triển của các dân tộc thiểu số tại chỗ.

2. Một số giải pháp chính sách phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030

2.1. Nhóm giải pháp cho các vấn đề cơ bản và cấp bách về kinh tế và giảm nghèo

Có ba vấn đề cơ bản và cấp bách về kinh tế và giảm nghèo là: Chuyển đổi sinh kế, Quản lý, sử dụng đất rừng và Đói nghèo. Dưới đây là 9 giải pháp góp phần bổ sung, hoàn thiện chính sách giải quyết 3 vấn đề cơ bản và cấp bách về kinh tế và giảm nghèo nêu trên.

Thứ nhất, đổi mới chính sách lâm nghiệp xã hội. Chính sách giao khoán quản lý bảo vệ rừng hiện nay về lâu dài là chưa phù hợp và hiệu quả. Thu nhập từ rừng là thấp và không đáng kể. Người dân vẫn là người làm thuê, chưa được coi là chủ rừng. Những nghiên cứu và thay đổi đã có vừa qua chỉ giải quyết được cái ngọn mà không giải quyết được cái gốc của vấn đề. Cần gắn chặt đời sống người dân với kinh tế rừng, phát huy quyền làm chủ của người dân với rừng, tạo điều kiện để cộng đồng trở thành chủ rừng chứ không phải người trồng rừng thuê cho nhà nước. Trên nguyên tắc tôn trọng, tuân thủ và thực hiện

sở hữu đất đai toàn dân, cần đổi mới chính sách lâm nghiệp xã hội theo hai hướng. Thứ nhất, Nhà nước khoán quản lý, bảo vệ rừng cho cộng đồng như hiện nay, nhưng cần tăng đơn giá thù lao lên nhiều để đảm bảo người dân có thu nhập cao hơn và thỏa đáng từ kinh tế rừng. Thứ hai, Nhà nước giao rừng cho cộng đồng quản lý, bảo vệ, hai bên cùng hưởng lợi từ sản phẩm gỗ và lâm sản khai thác theo tỷ lệ thỏa thuận, ví dụ, dân 7 phần, nhà nước 3 phần. Hướng thứ hai cần làm từng bước, có thí điểm để rút kinh nghiệm trước khi nhân rộng. Một khi trở thành chủ rừng, người dân sẽ sống chết bảo vệ rừng. Truyền thống quản lý bảo vệ rừng trước đây và quản lý bảo vệ rừng hiện nay là khác nhau về cách thức và kỹ thuật. Vậy nên, giao rừng quản lý bảo vệ cho cộng đồng theo phương án nào cũng là một quá trình gồm nhiều bước, trong đó, làm thí điểm để rút kinh nghiệm trước khi nhân rộng có ý nghĩa tiên quyết. Cần đào tạo cho người dân tư duy kinh tế lâm nghiệp, kiến thức tối thiểu về kỹ thuật và sản xuất lâm nghiệp mới. Mục tiêu là tạo điều kiện để cộng đồng làm chủ rừng, tăng thu nhập từ kinh tế rừng, bảo vệ rừng, chuyển đổi sinh kế và giảm nghèo.

Thứ hai, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các nghiên cứu xác định các loại cây trồng, vật nuôi thích hợp từng vùng. Để ổn định sinh kế nông nghiệp, trong những năm của thập niên 2020, Nhà nước, trực tiếp là ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần triển khai những nghiên cứu sâu về đất đai để tìm ra và khẳng định các loại cây trồng, vật nuôi thích hợp, ổn định lâu dài cho từng vùng, từng khu vực. Nếu có điều kiện, học hỏi kinh nghiệm mỗi xã mỗi vùng một sản phẩm của Trung Quốc và Thái Lan, nghiên cứu để phát triển ở mỗi vùng/mỗi xã một sản phẩm hàng hóa thế mạnh, có thể là nông sản như đậu sẫm, quế, ớt, rau xanh, gừng, nghệ, cà phê, cao su, hồ tiêu, mía, chuối, sắn, ngô, có thể là gia súc như bò, trâu, dê, lợn, có thể là sản phẩm thủ công như thổ cẩm áo, khố, váy...

Thứ ba, đổi mới công tác khuyến nông, khuyến lâm. Mặc dù được khuyến cáo cần đổi mới, nhưng đến nay, công tác khuyến nông, khuyến lâm ở các dân tộc thiểu số tại chỗ vẫn triển khai theo kiểu người Kinh và cho người Kinh đồng bằng, vẫn nặng về lý thuyết, nhẹ thực hành, không phù hợp với nhận thức và tư duy cụ thể của người dân, nên hiệu quả thấp so với mong muốn. Trong những năm tới, cần đổi mới cách thức, quy trình và nội dung tập huấn khuyến nông, khuyến lâm theo hướng cầm tay chỉ việc, lý thuyết kết hợp tập huấn đầu bờ, xây dựng mô hình kết hợp tham quan mô hình, khép kín chu trình từ gieo trồng đến khi thu hoạch. Cần coi tập huấn khuyến nông, lâm là quá trình lâu dài, liên tục, bằng cả tiếng phổ thông lẫn tiếng địa phương, có tổng kết, rút kinh nghiệm thành công, thất bại, giúp người dân vừa học vừa làm. Tốt nhất là bố trí một khuyến nông viên chuyên trách của xã hay của thôn, được đào tạo chuyên ngành trồng trọt, chăn nuôi và lâm nghiệp.

Thứ tư, khuyến khích ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ sản xuất mới, đặc biệt công nghệ sản xuất nông nghiệp. Các dân tộc thiểu số khu vực tây duyên hải miền Trung đã và đang là nông dân thực hành một nền nông nghiệp

với kỹ thuật thủ công sơ khai. Dù đã có sự cố gắng từ nhà nước và người dân, nhưng hơn ba thập niên qua, nông nghiệp các dân tộc vẫn chủ yếu dựa vào khai thác mang tính bóc lột tài nguyên đất, rừng. Tăng trưởng kinh tế vẫn chủ yếu theo chiều ngang, chiều rộng chứ chưa theo chiều dọc, chiều sâu, nghĩa là vẫn dựa vào khai thác tài nguyên tự nhiên và con người sẵn có như rừng, đất đai, lao động thủ công cơ bắp, năng suất và giá trị thấp, vẫn dựa vào tăng suất đầu tư tài nguyên và lao động sẵn có, là những nguồn lực đã được huy động tới đa, đang tới hạn và cạn kiệt chứ chưa chuyển sang dựa vào lao động kỹ thuật cao, vào công nghệ tiên tiến và vào kinh tế trí thức. Trong những năm tới, cần đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới trong phát triển kinh tế, ưu tiên đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu mới trong sản xuất nông lâm nghiệp cho các đối tượng sản xuất, kinh doanh trên địa bàn, bao gồm các doanh nghiệp, các trường đại học, các viện nghiên cứu, các cơ quan quản lý, đặc biệt là cho người dân các dân tộc thiểu số tại chỗ, đại diện là các doanh nghiệp, các chủ trang trại trồng trọt, chăn nuôi.

Thứ năm, có chính sách đặc thù ưu đãi để thu hút các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh tại khu vực tây duyên hải miền Trung. Do địa hình dốc và hiểm trở, dân cư thưa thớt, xa đồng bằng, thị phần nhỏ hẹp, chi phí lưu thông hàng hóa cao, khu vực tây duyên hải miền Trung khó thu hút các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư sản xuất kinh doanh, nhất là sản xuất kinh doanh các ngành công nghiệp nặng. Điều kiện khu vực chỉ thích hợp cho phát triển sản xuất, kinh doanh nông, lâm sản và một số ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản trong khi các doanh nghiệp trong vùng sẽ đóng vai trò đầu tàu phát triển kinh tế cho khu vực và cho người dân. Vì thế, cần xây dựng và triển khai các chính sách đặc thù, tạo môi trường đầu tư thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp trong nước, nước ngoài phát triển sản xuất, trong đó, ưu đãi trong việc tính thuế kinh doanh, vay vốn sản xuất trồng rừng nguyên liệu, trồng cây công nghiệp và các cơ sở chế biến.

Thứ sáu, khuyến khích vai trò bà đỡ của các đơn vị quân đội, các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân đóng trên địa bàn trong phát triển kinh tế và xóa đói, giảm nghèo. Vùng nông thôn khu vực tây duyên hải miền Trung là nơi tập trung các dân tộc thiểu số tại chỗ. Khả năng thu hút các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân lên khu vực này là khó khăn do hạn chế về thị trường và nguyên liệu, chỉ cho phép thành lập các doanh nghiệp trồng, chế biến lâm sản, nông sản và vận hành, kinh doanh thủy điện. Do yêu cầu bảo vệ an ninh quốc phòng, khu vực này cũng là nơi đóng quân của các đơn vị quân đội. Các đơn vị quân đội, doanh nghiệp nhà nước và tư nhân vừa có tiềm lực về tri thức khoa học kỹ thuật mới, vừa có tiềm lực tài chính. Vì vậy, giải pháp hiệu quả và thiết thực nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển kinh tế, giảm nghèo cho các cư dân tại chỗ là khuyến khích, phát huy vai trò bà đỡ của các đơn vị quân đội, các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân đóng trên địa bàn trong hỗ trợ giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội

Thứ bảy, đổi mới chính sách giải quyết các mâu thuẫn liên quan đến đất đai, bao gồm ba giải pháp bộ phận. *Một là*, đổi mới công tác thu hồi diện tích đất rừng sử dụng không hiệu quả của các doanh nghiệp giao cho người dân thiếu đất sản xuất. *Hai là*, đổi mới công tác giải quyết thiếu đất sản xuất theo hướng không chỉ cấp đất sản xuất ở những nơi còn điều kiện, mà còn tổ chức lại sản xuất, đặc biệt, mở rộng ngành nghề, đào tạo nghề nông nghiệp và phi nông, coi cấp đất sản xuất là giải pháp tình thế, trước mắt, còn tổ chức lại sản xuất và chuyển đổi ngành nghề mới là giải pháp lâu dài, bền vững. *Ba là*, đổi mới công tác giải quyết tranh chấp, khiếu kiện, lấn chiếm đất đai đang diễn ra trên cơ sở vận dụng đặc điểm sở hữu và sử dụng đất rừng truyền thống để có quyết định ưu tiên cho người dân tại chỗ.

Thứ tám, quy hoạch lại đất đai cho các thôn làng dân tộc thiểu số tại chỗ. Công tác quy hoạch sử dụng đất đai ở các xã vẫn theo tư duy và mô hình đồng bằng, chưa tính đến các đặc thù sở hữu, quản lý và sử dụng đất rừng của các dân tộc tại chỗ, chưa nhìn nhận một hiện thực là không gian thôn làng các dân tộc thiểu số tại chỗ đã và đang bị xâm hại mạnh mẽ, tác động tiêu cực không chỉ tới phát triển kinh tế và giảm nghèo, mà còn tới không gian văn hóa làng truyền thống. Trong thập niên tới, cần quy hoạch lại đất đai cho các thôn làng dân tộc thiểu số tại chỗ theo hướng đáp ứng nhu cầu đất sản xuất, đất dân sinh, khôi phục lại một phần không gian văn hóa làng truyền thống.

Thứ chín, đẩy mạnh vận động, tuyên truyền để cải biến phong tục, tập quán cản trở phát triển kinh tế. Văn hóa các dân tộc thiểu số tại chỗ khu vực tây duyên hải miền Trung hàm chứa nhiều giá trị tích cực, tiến bộ mang đặc tính và bản sắc tộc người, có thể và cần bảo tồn, phát huy. Bên cạnh đó, cũng tồn tại một số tâm lý, thói quen và phong tục tập quán trong điều kiện hiện nay không những không còn phù hợp mà còn là rào cản phát triển kinh tế - xã hội nói chung, phát triển kinh tế nói riêng và tác động tiêu cực đến chất lượng nguồn nhân lực. Để góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các dân tộc, ngoài đổi mới chính sách giáo dục và đào tạo, giải pháp vận động, tuyên truyền để cải biến nhận thức về phong tục, tập quán cản trở phát triển kinh tế, giúp người dân làm quen và hòa nhập vào nếp nghĩ và tư duy phát triển kinh tế thị trường có vai trò và ý nghĩa thực sự thiết thực.

2.2. Nhóm giải pháp cho các vấn đề cơ bản và cấp bách về xã hội

Có 5 vấn đề cơ bản và cấp bách về xã hội là: Chất lượng nguồn nhân lực, Mức độ tham chính của cán bộ dân tộc thiểu số tại chỗ hạn chế, Tác động tiêu cực của thủy điện đến các cộng đồng dân tộc thiểu số tại chỗ tái định cư, Biên giới chậm phát triển, Tên gọi dân tộc và thành phần một số nhóm dân tộc. Sau đây là 5 giải pháp góp phần bổ sung, hoàn thiện chính sách giải quyết các vấn đề cơ bản và cấp bách về xã hội.

Thứ nhất, đổi mới chính sách phát triển giáo dục và đào tạo phù hợp với các dân tộc thiểu số tại chỗ. Trong những năm tới, cần có chính sách giáo dục

phổ thông và đại học tập trung và đột phá nhằm xóa bỏ chênh lệch về chất lượng giữa học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số tại chỗ với học sinh, sinh viên người Kinh. Trong giáo dục phổ thông các cấp, đảm bảo yêu cầu có thầy giỏi, có chương trình dạy và học phù hợp với điều kiện tự nhiên và con người miền núi để có tỷ lệ học sinh giỏi và chất lượng học tập ngang bằng với cả nước. Trong giáo dục đại học, thành lập khoa dự bị một năm cho sinh viên dân tộc thiểu số tại một số trường đại học ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên, chú ý đào tạo các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và sư phạm, có chính sách giải quyết việc làm cho số sinh viên dân tộc thiểu số tốt nghiệp cử nhân chưa có việc làm. Để phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu, cần đổi mới công tác đào tạo, gồm đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị cho cán bộ cơ sở, thôn làng và đào tạo ngành nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp mới cho người dân có vai trò đặc biệt quan trọng. Yêu cầu đặt ra là đổi mới chính sách để đào tạo nguồn lực lao động có chất lượng, nhằm xây dựng nền kinh tế tri thức dựa trên phát triển khoa học công nghệ thay thế cho nền kinh tế thủ công dựa trên khai thác tài nguyên hiện nay. Trong những năm tới, đổi mới công tác đào tạo theo hướng cầm tay chỉ việc, xác định ngành đào tạo, công việc đào tạo phù hợp với nhu cầu địa phương, kết hợp lý thuyết với thực hành, đổi mới, cải biên nội dung và chương trình đào tạo phù hợp với tâm lý, đặc điểm văn hóa tộc người của học viên được đào tạo là giải pháp thiết thực nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số tại chỗ tây duyên hải miền Trung.

Thứ hai, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ cấp xã, huyện, tỉnh và bổ sung cán bộ dân tộc thiểu số tham chính ở cấp trung ương. Hiện nay, trình độ cán bộ tại chỗ cấp xã, huyện tỉnh ở vùng duyên hải miền Trung còn hạn chế và so sánh với các khu vực khác, số lượng cán bộ các dân tộc thiểu số tại chỗ khu vực Tây duyên hải miền trung ở cấp trung ương còn ít và mỏng. Điều này ảnh hưởng bất lợi đến vai trò và tiếng nói của các dân tộc trong tiến trình đi lên của khu vực và đất nước. Vì vậy, kiến nghị cần đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, kết hợp công tác quy hoạch nhằm ba mục tiêu. Thứ nhất, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ dân tộc thiểu số cấp xã, huyện, tỉnh. Thứ hai, tăng cường số lượng cán bộ dân tộc thiểu số tại chỗ khu vực tây duyên hải miền Trung trong các Bộ, Ban, Ngành cấp Trung ương. Thứ ba, bổ sung cán bộ là đại diện một số dân tộc thiểu số tại chỗ khu vực tây duyên hải miền Trung có dân số lớn như Bru - Vân Kiều, Tà - ôi, Cơ - tu, Hrê, Co vào Ban chấp hành Trung ương Đảng các kỳ Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc sắp tới

Thứ, ba, đổi mới chính sách tái định cư thủy điện. Giải pháp này gồm ba giải pháp bộ phận: Một là, rà soát lại các dự án thủy điện tiền khả thi, chỉ phê duyệt xây dựng các dự án thủy điện khi thật sự thấy cần thiết, tránh tình trạng xây dựng tràn lan bằng mọi giá. Hai là, đổi mới công tác xây dựng chính sách và thực hiện chính sách đền bù tái định cư thủy điện theo hướng đất sản xuất cần được đền bù bằng đất sản xuất đúng chủng loại và chất lượng, bảo đảm có đủ

nguồn nước sinh hoạt, nước sản xuất và môi trường rừng ít nhất bằng nơi ở cũ. Ba là, triển khai chính sách hậu tái định cư để giải quyết những khó khăn nổi cộm như sinh kế, nước sinh hoạt, giảm nghèo

Thứ tư, xây dựng chính sách phát triển vùng biên giới. Giải pháp này gồm ba giải pháp bộ phận. Một là, đưa tất cả các huyện dọc biên giới Việt - Lào vào đối tượng huyện nghèo đặc biệt khó khăn theo Chương trình 30a. Hai là, xây dựng và triển khai Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các huyện vùng biên giới. Ba là, khuyến khích người Kinh di cư lên các xã biên giới lập nghiệp.

Thứ năm, giải quyết hài hòa nguyện vọng của người dân liên quan đến tên gọi dân tộc và thành phần một số nhóm dân tộc. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu đã có về xác định tên gọi và thành phần các nhóm dân tộc liên quan và trên cơ sở kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu tại địa bàn các nhóm dân tộc Vân Kiều ở Quảng Trị, Pa-cô ở Thừa Thiên Huế, Ca-dong, Giẻ, Triêng, Ba-noong ở Quảng Nam, với tinh thần khách quan khoa học, đề tài kiến nghị: 1. Đổi tộc danh Bru - Vân Kiều thành tộc danh Vân Kiều. 2. Chuyển người Nguồn từ nhóm địa phương của dân tộc Kinh sang nhóm địa phương của dân tộc Thổ. 3. Tiếp tục ghép hai nhóm Giẻ và Triêng thành một dân tộc với tộc danh Giẻ - Triêng. 4. Tách nhóm Ca-dong khỏi dân tộc Xơ - đăng thành dân tộc Ca-dong. 5. Tiếp tục điều tra, nghiên cứu để xác định thỏa đáng và khoa học thành phần dân tộc nhóm Pa-cô (dân tộc Tà-ôi) và nhóm Ba-noong (dân tộc Giẻ - Triêng).

2.3. Nhóm giải pháp cho vấn đề cơ bản và cấp bách về văn hóa

Về văn hóa, có một vấn đề cấp bách là mai một văn hóa truyền thống và xây dựng đời sống văn hóa mới. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, báo cáo đề xuất 6 giải pháp gợi ý bổ sung, hoàn thiện chính sách bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống và xây dựng đời sống văn hóa mới như sau.

Thứ nhất, gắn du lịch với bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống các dân tộc. Du lịch văn hóa miền núi đã và đang được coi là lợi thế kinh tế ở tây duyên hải miền Trung. Gắn du lịch với bảo tồn văn hóa là giải pháp khả thi nhằm phát triển kinh tế và bảo tồn văn hóa truyền thống. Theo đó, ở mỗi điểm du lịch, xây dựng một đến hai làng văn hoá du lịch sinh thái tại chỗ, duy trì một số sinh hoạt văn hóa sống như nhà cửa, nhà cộng đồng, trang phục, ẩm thực, dân ca, dân nhạc, dân vũ, âm nhạc công chiêng, tín ngưỡng dân gian, lễ hội.

Thứ hai, có chính sách đột phá và hiệu quả để bảo tồn và phát huy một số giá trị văn hoá đặc trưng tiêu biểu. Một số giá trị văn hóa có thể bảo tồn và cần được bảo tồn là nhà cộng đồng, lễ hội nông nghiệp, lễ hội lập làng mới, nghi lễ đâm trâu, dân ca, dân nhạc, dân vũ, nhất là không gian công chiêng. Việc khôi phục một số giá trị văn hóa phù hợp trên sẽ làm đối trọng với sự phát triển của các tôn giáo ngoại nhập.

Thứ ba, bảo tồn và phát huy các giá trị của văn hóa vật thể truyền thống bằng cách đưa kiến trúc và nghệ thuật tạo hình dân gian vào kiến trúc và nghệ

thuật tạo hình hiện đại. Kiến trúc và nghệ thuật tạo hình ở khu vực tây duyên hải miền Trung hiện nay vẫn là kiến trúc và nghệ thuật tạo hình của xã hội công nghiệp, trực tiếp là của người Kinh đồng bằng. Ngành xây dựng cần nghiên cứu để đưa kiến trúc dân gian các dân tộc tại chỗ vào kiến trúc nhà cửa, công sở, công trình văn hóa trong vùng. Các nhà văn hóa học, nghệ thuật học cần nghiên cứu để đưa các đồ án, các họa tiết hoa văn dân gian vào các sản phẩm dệt, đồ dùng sinh hoạt và các trang trí khánh tiết trong các lễ hội, sinh hoạt văn hóa ở khu vực tây duyên hải miền Trung.

Thứ tư, tăng cường yếu tố văn hóa quốc gia bên cạnh văn hóa tộc người. Các dân tộc thiểu số tại chỗ khu vực tây duyên hải miền Trung gia nhập quốc thổ Việt Nam chậm muộn hơn các dân tộc thiểu số vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Trong sâu thẳm, ý thức văn hóa tộc người của các dân tộc vẫn nổi trội và đậm nét hơn so với ý thức văn hóa quốc tộc Việt Nam. Tuy có nền văn hóa truyền thống đặc sắc, phong phú nhưng hiểu biết của các tộc người về văn hóa quốc gia còn hạn chế. Vì thế, cần có chính sách tăng cường các yếu tố văn hóa quốc gia để bảo đảm văn hóa quốc gia và văn hóa tộc người hài hòa, hỗ trợ, bổ sung nhau, hướng tới củng cố ý thức quốc gia là giải pháp quan trọng để bảo tồn phát huy văn hóa các dân tộc.

Thứ năm, bảo tồn, phát huy ngôn ngữ các dân tộc thiểu số tại chỗ.

Ngôn ngữ luôn là chỉ báo phản ánh bản sắc tộc người, là một trong ba tiêu chí xác định tộc người. Hiện nay, ngôn ngữ các dân tộc tại chỗ tây duyên hải miền Trung đang mai một dần do thế hệ trẻ chủ yếu dùng tiếng phổ thông. Vì thế, trên cơ sở nghiên cứu của Vụ Giáo dục dân tộc thiểu số, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục ban hành chính sách bảo tồn tiếng nói của các dân tộc thiểu số cả nước nói chung và các dân tộc thiểu số tại chỗ khu vực tây duyên hải miền Trung nói riêng.

Thứ sáu, đổi mới tư duy xây dựng các chính sách xây dựng đời sống văn hoá mới theo hướng tôn trọng và kế thừa đặc điểm văn hóa truyền thống. Một số chính sách trong khi phù hợp với người Kinh ở đồng bằng thì lại không phù hợp với người dân tộc thiểu số, chưa xuất phát từ đặc điểm văn hóa của người dân tại chỗ, ví dụ các tiêu chí xây dựng quy ước văn hóa, xây dựng nông thôn mới. Cần xây dựng các chính sách xây dựng đời sống văn hóa mới với một số tiêu chí khác biệt và phù hợp với cảnh quan, đặc điểm văn hóa, xã hội truyền thống.

2.4. Nhóm giải pháp cho vấn đề cơ bản và cấp bách về môi trường

Có hai vấn đề cơ bản và cấp bách về môi trường là Suy giảm môi trường tộc người và Tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và thiên tai. Khó có thể chống thiên tai, nhưng có thể phòng tránh giảm thiểu tác động tiêu cực của thiên tai. Dưới đây là 4 giải pháp bổ sung, hoàn thiện chính sách bảo vệ môi trường.

Thứ nhất, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức và hành

động thực hiện Luật bảo vệ môi trường cho cộng đồng các dân tộc thiểu số tại chỗ. Luật Bảo vệ môi trường năm 1993 là văn bản pháp lý bảo vệ rừng quan trọng. Luật tục bảo vệ rừng của các DTTSTC tuy có hạt nhân tiên bộ nhưng đã không còn phù hợp. Sự ra đời của Luật Bảo vệ môi trường thay thế luật tục bảo vệ môi trường truyền thống là cần thiết. Để góp phần bảo vệ môi trường nói chung và tài nguyên rừng nói riêng, giải pháp cần thiết là đẩy mạnh tuyên truyền và truyền thông để người dân nhận thức và thực hiện tốt Luật Bảo vệ môi trường nói chung, Luật bảo vệ rừng nói riêng.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác đào tạo nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng về biến đổi khí hậu, thiên tai, về khắc phục hậu quả sau biến đổi khí hậu, thiên tai. Giải pháp này gồm hai giải pháp bộ phận. Một là, nâng cao nhận thức, kiến thức của người dân về biến đổi khí hậu và tác động của thiên tai. Hai là, nâng cao năng lực dự báo thiên tai và phục hồi sau thiên tai cho các cộng đồng dân tộc tại chỗ.

Thứ ba, thực hiện xã hội hóa các nguồn lực trong phòng tránh thiên tai bão lũ, hạn hán và giảm thiểu thiệt hại sau thiên tai bão lũ, hạn hán. Để phòng tránh thiên tai và giảm thiểu thiệt hại sau thiên tai, không chỉ dựa vào cá nhân hay hộ gia đình mà cần xã hội hóa các nguồn lực, đồng nghĩa với dựa vào vai trò của cộng đồng, của các tổ chức xã hội chính thức và phi chính thức. Ngoài thu hút sự tham gia của cộng đồng, cần phát huy vai trò của hệ thống chính trị gồm Đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể chính trị và hệ thống quản lý xã hội phi chính thức như dòng họ, già làng, người có uy tín trong ủng hộ tiền của, công sức và trí tuệ.

Thứ tư, thực hiện chính sách dân tộc và chính sách đền ơn đáp nghĩa với người dân vùng căn cứ cách mạng khi gặp thiên tai bão lụt. Giải pháp này vừa là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn dân trong bối cảnh thực hiện chính sách dân tộc, vừa là đạo lý đối với người dân đã chịu nhiều tổn thất, mất mát cho cách mạng. Nội dung là phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái, hỗ trợ kịp thời và thỏa đáng tiền của, công sức giúp người dân các tộc người thiểu số vượt qua khó khăn, cùng cực khi có các thiên tai như bão lụt, hạn hán xảy ra.

3. Một số kiến nghị với Đảng và Chính phủ

3.1. Coi khu vực tây duyên hải miền Trung là vùng dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn cần tập trung đầu tư và phát triển

Đời sống và điều kiện sống của các dân tộc tại chỗ khu vực tây duyên hải miền Trung hiện đang khó khăn thấp kém như các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ, là khu vực vùng trũng về phát triển kinh tế - xã hội trong cả nước. Từ kết quả nghiên cứu về thực trạng phát triển khó khăn, thấp kém và những vấn đề cơ bản, cấp bách đã nhận diện và phân tích, đề tài kiến nghị trong những năm tới Chính phủ coi tây duyên hải miền Trung là vùng dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn cần tập trung đầu tư và phát triển giống như ba vùng dân tộc đặc biệt khó khăn Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.

3.2. Đổi mới chính sách phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số theo hướng tập trung, tích hợp, dài hạn, chiến lược, căn cứ vào đặc thù tự nhiên, văn hóa các dân tộc, hạn chế và tiến tới xóa bỏ chính sách hỗ trợ, cho không, thay thế bằng các chính sách đầu tư, nâng cao năng lực

Các chính sách dân tộc đã và đang có là đa dạng, phong phú và bao trùm hầu hết mọi mặt cuộc sống. Tuy nhiên đang tồn tại một số bất cập và hạn chế như: Áp dụng tư duy đồng bằng vào xây dựng chính sách cho miền núi và dân tộc. Hiệu quả tham gia phản biện của người dân còn hạn chế. Còn chông chéo giữa các bộ, ngành và dân trí. Chưa phù hợp, mang tính chữa cháy, giải quyết tình thế và trước mắt. Nguồn vốn thực hiện chính sách chậm và thiếu. Còn nhiều chính sách giảm nghèo mang tính hỗ trợ, cho không như các chính sách giáo dục, y tế và đào tạo nghề, dẫn tới tư tưởng thụ động, trông chờ nhà nước, thủ tiêu ý chí vượt nghèo và thoát nghèo, biểu hiện là trong đánh giá và bình xét hộ nghèo hàng năm, nhiều hộ không muốn thoát nghèo để được hưởng chế độ ưu đãi. Trong những năm tới, kiến nghị Chính phủ đổi mới xây dựng chính sách dân tộc theo hướng tập trung, tích hợp, dài hạn, chiến lược, căn cứ vào đặc thù tự nhiên, văn hóa tại chỗ, hạn chế và tiến tới xóa bỏ chính sách hỗ trợ, cho không, thay thế bằng các chính sách đầu tư, nâng cao năng lực

3.3. Triển khai Chương trình nghiên cứu “Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển Kinh tế - Xã hội tây Duyên hải miền Trung”

Tây duyên hải miền Trung hiện đang là vùng trũng phát triển kinh tế - xã hội. Mặc dù vậy, cho đến nay, chưa có các chương trình khoa học và công nghệ nghiên cứu cơ bản, hệ thống, toàn diện, tổng thể về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và kinh tế - xã hội khu vực này. Vì lý do trên, đề tài kiến nghị Chính phủ, đại diện là Bộ Khoa học và Công nghệ lập kế hoạch, tổ chức triển khai Chương trình nghiên cứu “***Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển Kinh tế - Xã hội tây Duyên hải miền Trung***” giống như đã triển khai các Chương trình “Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển Kinh tế - Xã hội vùng Tây Nguyên” I, II, II do Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ chủ trì và Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước “Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc” do Trường Đại học Quốc gia Hà Nội chủ trì. Chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ phát triển Kinh tế - Xã hội tây Duyên hải miền Trung sẽ bao gồm hệ thống các đề tài khoa học công nghệ và khoa học xã hội, nhân văn, mục tiêu đánh giá tổng thể thực trạng, cơ hội và thách thức về kinh tế, xã hội, văn hóa, tài nguyên rừng, sinh vật, đất, nước, năng lượng, khoáng sản, biến đổi và tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, chuyển giao công nghệ kinh tế, môi trường.